

UBND HUYỆN CÙ CHI
TRƯỜNG MẦM NON HÒA PHÚ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn. - Đảm bảo an toàn cho trẻ 100% - Trẻ được khám sức khỏe 100% - Đảm bảo tốt chế độ ăn cho trẻ đủ thành phần dinh dưỡng - Cung cấp đủ đồ dùng cho trẻ trong ăn uống	- Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn. - Đảm bảo an toàn cho trẻ 100% - Trẻ được khám sức khỏe 100% - Đảm bảo tốt chế độ ăn cho trẻ đủ thành phần dinh dưỡng - Cung cấp đủ đồ dùng cho trẻ trong ăn uống - Bé khỏe - Ngoan: 303/303 tỷ lệ: 100% - Bé ngoan: 0/303, tỷ lệ: 00%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	-Đảm bảo 100% cháu nhà trẻ được học theo chương trình giáo dục mầm non ban hành	-Đảm bảo 100% cháu nhà trẻ được học theo chương trình giáo dục mầm non ban hành
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	29/29 trẻ	274/274 trẻ



IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng đồ chơi, bàn ghế, sửa chữa cơ sở vật chất. Có đủ đồ dùng tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.	- Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng đồ chơi, bàn ghế, sửa chữa cơ sở vật chất. Có đủ đồ dùng tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.
----	---	---	---

Củ Chi, ngày 27 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Ho Thị Hồng



THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	303			29	64	86	124
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	303			29	64	86	124
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	303			29	64	86	124
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	303			29	64	86	124
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	303			29	64	86	124
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	303			29	64	86	124
1	Số trẻ cân nặng bình thường	303			29	64	86	124
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0			0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	303			29	64	86	124
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0			0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0			0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	29			29			

2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	274				64	86	124
---	--------------------------------	-----	--	--	--	----	----	-----

Củ Chi, ngày 27 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Lưu Chi Hồng



THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5966 m ²	19.69 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.836 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	654.71 m ²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	84 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	64 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	19.5 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	33.21 m ²	
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	190 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật	84 m ²	
7	Diện tích phòng giáo dục thể chất	84 m ²	
8	Diện tích phòng y tế	12m ²	
9	Diện tích phòng vi tính	84m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	5	Số bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	6	
1	Số bộ thiết bị, đồ dung, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	5	
2	Số bộ thiết bị, đồ dung, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	7	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	0	



2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	4	
3	Máy photo	0	
5	Catsset	0	
6	Đầu Video/dầu đĩa	0	
7	Thiết bị khác		
8	Đồ chơi ngoài trời	6	
9	Bàn ghế đúng quy cách	303	
10	Thiết bị khác (Bảng tương tác)	1	
..			

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	14	112		0.5 m ²	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	Có	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	Có	
XV	Tường rào xây	Có	
..	...		

Củ Chi, ngày 27 tháng 9 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị



**UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG MẦM NON HÒA PHÚ**

Biểu mẫu 04

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của
cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022**

S T T	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	T S	Th S	Đ H	C Đ	T C C N	Dưới TCC N	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29	25	4		0	20	03	03	3	
I	Giáo viên	21	21				17	03	01		
II	Cán bộ quản lý	03	03				3				
1	Hiệu trưởng	1	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	2	2				2				
II I	Nhân viên	5							2	3	
1	Nhân viên văn thư	1	1						1		
2	Nhân viên kế toán										
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế										



5	Nhân viên thư viện										
6	Nhân viên khác	4		4					1	3	

Củ Chi, ngày 27 tháng 9 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị



Cao Thị Hồng

